

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức						Tổng
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ tám chữ.	4			2		1	7
Tỉ lệ % điểm			20			20		10	50
2	Viết	Truyện kể sáng tạo.		1*		1*		1*	1
Tỉ lệ % điểm				20		10		20	50
Tỉ lệ % điểm các mức độ nhận thức			40		30		30		100

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng
1	Đọc hiểu	Thơ tám chữ	Nhận biết: - Nhận biết được một số yếu tố về luật của thơ tám chữ như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ. - Nhận biết được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ. Thông hiểu: - Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản. - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. - Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của tác giả thể hiện qua văn bản. - Lí giải được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ. Vận dụng: Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản mang lại.	4 TN	2TL	1TL
2	Viết	Truyện kể sáng tạo.	Nhận biết: biết được yêu cầu của truyện kể sáng tạo, kể lại câu chuyện sáng tạo dựa trên truyện có sẵn... Thông hiểu: Viết đúng kiểu bài, nội dung; bố cục rõ ràng, mạch lạc... Vận dụng: điều chỉnh cốt truyện gốc, sử dụng ngôi kể phù hợp;... Vận dụng cao: Viết được một truyện kể sáng tạo, mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện...	1*	1*	1*
Tỉ lệ %				40	30	30
Tỉ lệ chung				70		30

I. ĐỌC - HIỂU (5.0 điểm):

Đọc văn bản sau:

QUÊ HƯƠNG

(1)

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:
Nước bao vây cách biển nửa ngày sông.

(2)

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng,
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.
Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

(3)

Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.
“Nhờ ơn trời, biển lặng cá đầy ghe”,
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.
Dân chài lưới, làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

(4)

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!

(Tuyển tập thơ Tế Hanh)

*** Thí sinh chọn một phương án đúng và ghi vào giấy làm bài (Ví dụ: 1A, 2D...)**

Câu 1: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

A. Tự do.

B. Thất ngôn.

C. Lục bát.

D. Tám chữ.

Câu 2: Cho biết bài thơ được giao vần gì là chủ yếu?

A. Vần chân, gieo vần liền.

B. Vần chân, gieo vần cách.

C. Vần lưng, gieo vần cách.

D. Vần chân, gieo vần hỗn hợp.

Câu 3: Khổ thơ thứ hai (2) của bài thơ thể hiện nội dung gì?

A. Giới thiệu về làng chài.

B. Giới thiệu cảnh người dân chài ra khơi.

C. Giới thiệu về con thuyền.

D. Giới thiệu đoàn thuyền trở về.

Câu 4: Dựa vào dấu hiệu nào để biết thể thơ của một bài thơ?

A. Số khổ trong mỗi bài thơ.

B. Số câu thơ trong mỗi khổ thơ.

C. Số tiếng của mỗi dòng thơ.

D. Cách ngắt nhịp và gieo vần.

*** Trả lời các câu hỏi/yêu cầu sau:**

Câu 5 (1.0 điểm): Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai dòng thơ “*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm/ Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*”?

Câu 6 (1.0 điểm): Cho biết cảm hứng chủ đạo của bài thơ?

Câu 7 (1.0 điểm): Đọc bài thơ, em cảm thấy mỗi người phải có trách nhiệm gì đối với quê hương?

II. VIẾT (5.0 điểm):

Viết truyện kể sáng tạo dựa trên văn bản “*Chuyện người con gái Nam Xương*” của Nguyễn Dữ.

.....**Hết**.....

*** Học sinh không được sử dụng tài liệu; giám thị coi thi không giải thích gì thêm.**

(Hướng dẫn chấm gồm 02 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Giám khảo cần chủ động nắm bắt nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Chú ý vận dụng linh hoạt và hợp lý
- Đặc biệt trân trọng, khuyến khích những bài viết có nhiều sang tạo, độc đáo trong nội dung và hình thức.
- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0.25 điểm, sau đó làm tròn theo quy định.
* HSKT chỉ cần làm từ câu 1 đến câu 4 (mỗi câu đúng ghi 1.0 điểm), khuyến khích làm các câu còn lại (phần đọc- hiểu); phần Viết, chỉ yêu cầu viết đoạn văn (5 đến 7 dòng) (ghi tối đa 2.5 điểm).

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Trắc nghiệm khách quan (2.0 điểm):

Câu	Trả lời	Điểm
1	D	0,5
2	A	0,5
3	B	0,5
4	C	0,5

Trắc nghiệm tự luận (3.0 điểm):

Câu	Trả lời	Điểm
5	-Biện pháp tu từ: nhân hóa -Tác dụng: Khắc họa hình ảnh con thuyền cũng mệt mỏi sau hành trình đánh bắt cùng người dân chài. Con thuyền là người bạn thân thiết, gắn bó với người dân chài. (HS có thể có cách diễn đạt khác, nhưng vẫn thể hiện được ý trên.)	0.5 0.5
6	Cảm hứng chủ đạo của bài thơ: Tình yêu quê hương da diết của tác giả. (HS có thể có cách diễn đạt khác, nhưng vẫn thể hiện được ý trên.)	1.0
7	Học sinh có thể trả lời nhiều ý khác nhau, các ý phải nêu được trách nhiệm của công dân với quê hương, đảm bảo không vi phạm đạo đức, không vi phạm pháp luật.	1.0

II. VIẾT (5.0điểm):

1. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: truyện kể sáng tạo.	0,5
2. Xác định đúng vấn đề: truyện kể sáng tạo dựa trên câu chuyện có sẵn (“Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ)	0,5
3. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: - Giới thiệu được bối cảnh (không gian, thời gian), nhân vật và câu chuyện. - Tóm tắt được chuỗi sự kiện, sắp xếp theo trình tự hợp lý. - Xác định được chủ đề của truyện. - Có sự sáng tạo: điều chỉnh cốt truyện gốc, thay đổi ngôi kể, bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm, ... - Sắp xếp hợp lý theo bố cục ba phần: a. Mở đầu: Giới thiệu được bối cảnh (không gian, thời gian), nhân vật và câu chuyện. b. Diễn biến: giới thiệu sự kiện mở đầu câu chuyện; xây dựng nhân vật qua cử chỉ, hành động, lời nói, ...; sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm, ... c. Kết thúc: biết lựa chọn sự kiện để kết thúc câu chuyện.	1,5
4. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi kể phù hợp (ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba) - Giới thiệu được bối cảnh (không gian, thời gian), nhân vật và câu chuyện. - Sắp xếp chuỗi sự kiện theo trình tự hợp lý. - Xây dựng nhân vật với một số yếu tố như lai lịch, ngoại hình, hành động, lời nói, suy nghĩ. - Sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm, ...	1,5
5. Diễn đạt: đảm bảo đúng chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,5
6. Sáng tạo: có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.	0.5

.....HẾT.....